TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/2021/HNGĐ-ST
Ngày 31 – 5 – 2021
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Quý
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 83/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXX - ST ngày 26 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST – HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1993
Địa chỉ: Thôn 19/5, xã H, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.
(Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)
Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc T1, sinh năm 1993 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố 5, phường M, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T1 tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 20/02/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã tự sống ly thân từ năm 2018

cho đến nay, ai cũng có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể kéo dài cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước Long giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có một người con chung tên Nguyễn Quốc A, sinh ngày 03/10/2017. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu AM cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2021 bị đơn anh Nguyễn Quốc T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/02/2017 tại UBND phường Thác Mơ. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018, anh bị tai nạn giao thông nên vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Do vậy, nay trước yêu cầu ly hôn của chị T, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị T có một người con chung tên Nguyễn Quốc AM, sinh ngày 03/10/2017. Do điều kiện hoàn cảnh khó khăn nên khi ly hôn anh đồng ý giao cháu A cho chị T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57; 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quốc T1 cư trú tại khu phố 5, phường M, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/02/2017 tại Ủy ban nhân dân phường M, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04. Do vậy, hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: chị T và anh T1 đều thừa nhận sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho cho đến nay, ai cũng có cuộc sống riêng và không quan tâm đến nhau nữa. Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2021 anh T1 cũng đồng ý ly hôn với chị T. Đồng thời, tại biên bản xác minh (BL 25) cũng thể hiện tình trạng hôn nhân như nguyên đơn, bị đơn đã trình bày. Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn giữa chị T, anh T1 đã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài đời sống chung vợ chồng. Do vậy, áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình 2014 yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận, cho chị T được ly hôn với anh T1.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị T và anh T1 có một người con chung là Nguyễn Quốc A, sinh ngày 03/10/2017. Xét thấy, từ khi sống ly thân cháu A do chị T trực tiếp nuôi dưỡng nhưng cháu vẫn được chăm sóc tốt; mặt khác hiện anh T1 sau tai nạn không đi làm được, phải sống phụ thuộc vào ba mẹ nên không đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con của chị T; giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi. Bị đơn anh T1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo qui định của pháp luật.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; Điều 56, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Đặng Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T1.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Quốc A, sinh ngày 03/10/2017 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Anh T1 không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Chị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai thu số 0007xxx ngày 25/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- UBND phường M, TX. Phước Long, BP (số 04 ngày 20/02/2017);
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt